TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023 /KDTM-PT
Ngày: 28 - 4 - 2023
Về việc Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Cường,

+ *Các thẩm phán:* Ông Võ Việt Minh, ông Nguyễn Văn Quản

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Cao Thị Mai, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận** tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Lai, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 01/2023/TLPT- KDTM, ngày 23 tháng 02 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2022/ KDTM -ST, ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân TP. Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐ-PT, ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ X

Địa chỉ: D9 Q T, phường 11, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị L, sinh năm 1997. Địa chỉ: Căn hộ số C2-02.OT04 Tòa nhà Cantral 2, Vinhomes Central Park, 7 Đ, phường 12, Quận B , thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Bị đơn: Công ty TNHH A

Địa chỉ: 08 N, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Trương Văn C, sinh năm 1959. Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 11, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu phố 10, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

Người kháng cáo: Công ty TNHH A

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

Ngày 01/12/2017, nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ có thời hạn 01 (một) năm từ ngày 01/12/2017 đến 30/11/2018 (sau đây gọi là "Hợp đồng Dịch vụ") liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn thường xuyên cho bị đơn, cụ thể là dịch vụ đại diện bán hàng cho Khách sạn A tại địa chỉ 08 N, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam với phí dịch vụ mỗi tháng tương đương 52.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi hai triệu đồng) (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Kể từ thời điểm ký kết Hợp đồng Dịch vụ – ngày 01/12/2017 và tính đến tháng 6/2018, bị đơn đã thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, từ tháng 7/2018, bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn theo cam kết tại Hợp đồng Dịch vụ. Đến ngày ngày 22/09/2018, nguyên đơn nhận được email từ đại diện bị đơn – Ông Hijaaz Latheef (chức vụ quản lý) thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng Dịch vụ trước thời hạn kể từ ngày 30/09/2018. Sau quá trình trao đổi, nguyên đơn đồng ý chấm dứt Hợp đồng Dịch vụ theo đề xuất và yêu cầu bị đơn tiến hành thanh toán đối với phí dịch vụ 03 tháng gồm tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2018 tương đương 156.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu triệu đồng). Tuy nhiên, mặc dù đã liên hệ nhiều lần về việc hỗ trợ thanh toán, bị đơn vẫn nhiều lần kéo dài và không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ của mình. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của nguyên đơn.

2. Vi phạm hợp đồng dịch vụ của bị đơn:

2.1. Bị đơn không thực hiện thanh toán phí dịch vụ theo Hợp đồng Dịch vụ như đã cam kết Căn cứ theo Điều 1 và Điều 3 Hợp đồng Dịch vụ về phí dịch vụ và phương thức thanh toán, bị đơn có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ mỗi tháng tương đương 52.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi hai triệu đồng) (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng trước ngày 10 hàng tháng, cụ thể như sau:

- Phí dịch vụ đại diện bán hàng không độc quyền: 45.000.000 đồng/tháng;

- Phí dịch vụ Ecommerce: 7.000.000 đồng/tháng. Căn cứ khoản 1 Điều 4 Hợp đồng Dịch vụ, nghĩa vụ cơ bản và quan trọng nhất của Bị đơn được quy định cụ thể như sau: "Thanh toán đầy đủ và đúng hạn phí dịch vụ tư vấn như đã thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng".

Tuy nhiên, đến hiện tại, nguyên đơn chưa nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào cho phí dịch vụ tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2018 từ bị đơn. Như vậy, Nguyên đơn khẳng định rằng Bị đơn đã không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng Dịch vụ và cấu thành vi phạm nghiêm trọng theo pháp luật hiện hành

2.2. Bị đơn không khắc phục hành vi vi phạm Mặc dù nguyên đơn đã chủ động trao đổi và đề xuất thanh toán nhiều lần, bị đơn đã thiếu thiện chí thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng Dịch vụ, cụ thể: Bị đơn tiếp tục chậm trễ việc thực hiện nghĩa vụ và không có bất kỳ công văn/thông báo chính thức liên quan đến việc giải trình về việc chậm trễ thanh toán phí dịch vụ cho nguyên đơn. Hơn thế nữa, căn cứ Hợp đồng dịch vụ đã ký kết, bị đơn hoàn toàn nhận thức được trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Chính vì vậy, việc không thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng Dịch vụ, bị đơn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình.

3. Yêu cầu của nguyên đơn từ những sự việc khách quan nêu trên, nguyên đơn kính đề nghị Quý Tòa án xem xét thụ lý vụ án và giải quyết các yêu cầu sau đây:

3.1. Yêu cầu Bị đơn thanh toán phí dịch vụ tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2018 theo Hợp đồng Dịch vụ tương đương 156.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu triệu đồng) và 10% VAT phí dịch vụ là 15.600.000 đồng.

3.2. Yêu cầu Bị đơn bồi thường tiền lãi trên số tiền yêu cầu thanh toán tại Mục [3.1] do chậm trả cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán (tính đến ngày 29/9/2022) với mức lãi suất 10%/năm tương đương 64.536.986 đồng (Sáu mươi bốn triệu năm trăm ba mươi ba mươi sáu ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng), cụ thể: Điều 357 Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này. Điều 468. Lãi suất (Bộ luật dân sự 2015).

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Khoảng thời gian tính lãi Số tiền căn cứ tính lãi (VNĐ) Lãi suất/ngày Thời gian tính lãi Tiền lãi (VNĐ)

Do đó, số tiền lãi 64.536.986 đồng mà Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán được tính toán như sau:

Khoảng thời gian tính lãi	Số tiền căn cứ tính lãi (VNĐ)	Lãi suất/ngày	Thời gian tính lãi (ngày)	Tiền lãi (VNĐ)
Từ 10/07/2018 đến 09/08/2018	52.000.000	10%/365	30	427.397 đồng
Từ 10/08/2018 đến 09/09/2018	104.000.000	10%/365	30	854.795 đồng
Từ 10/09/2018 đến 29/09/2022	156.000.000	10%/365	1480	63.254.794 đồng
Tổng cộng				64.536.986 đồng

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán là 236.136.986 đồng

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Vào cuối năm 2017, Công ty TNHH A ký hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ X với một số nội dung: Đại diện bán hàng cho A Resort với cam kết đảm bảo công suất phòng 70% và giá trung bình là 1.500.000 đồng (không bao gồm: thuế VAT 10%, phí ăn sáng và 5% phí phục vụ) cho cả năm 2018. Dịch

vụ thương mại điện tử cho A resort: phụ trách bán phòng trên các kênh bán phòng online và mở rộng liên kết với các nhà mạng, giúp tăng sự hiện diện về thương hiệu khách sạn, đẩy mạnh doanh thu trực tiếp trên website... Phí hàng tháng: 52.000.000 đồng/tháng Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xcam kết doanh thu cho khách sạn hàng tháng, quý. - Hợp đồng có thể kết thúc sớm hơn bởi khách sạn nếu Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xkhông đạt được doanh thu đã cam kết trong 3 tháng. Thời hạn HĐ: từ ngày 01/12/2017 đến ngày 30/11/2018 .

Sau một thời gian sử dụng dịch vụ, ngày 22/09/2018, Công ty TNHH A– Ông Hijaaz Latheef (chức vụ quản lý) thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng Dịch vụ trước thời hạn kể từ ngày 30/09/2018. Sau quá trình trao đổi, Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xđồng ý chấm dứt Hợp đồng Dịch vụ theo đề xuất.

Sau khi kiểm tra các thông tin, chúng tôi thấy việc hủy Hợp đồng là có lý do chính đáng và hợp lý :

Trong một thời gian dài, Công ty TNHH Anhận thấy Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xđã không đưa về được lượng khách, công suất phòng như đã cam kết.

Cụ thể công suất phòng và giá phòng trung bình trong 9 tháng đều không đạt là 70% công suất phòng và giá phòng trung bình cũng không đạt mức 1.500.000 đồng (không bao gồm: thuế VAT 10%, phí ăn sáng và 5% phí phục vụ)

Số liệu cụ thể của Công ty TNHH Atại thời điểm 12/2017 đến 08/2018 như sau:

Tháng	Công suất phòng	Giá phòng trung bình (bao gồm 10% thuế, 5% phí)
12/2017	65.97%	1.673.550
1/2018	73.83%	1.908.605.74
2/2018	78.42%	1.937.936.39
3/2018	58.06%	1.605.469.9
4/2018	43.66%	1.646.914.95
5/2018	38.50%	1.114.732.56
6/2018	61.87%	1.231.469.07
7/2018	69.62%	1.150.527.52
8/2018	53.61%	1.230.776.62
9/2018	33.19%	1.243.685.72

* Ghi chú: Số liệu này là số liệu chung cho tất cả các nguồn khách bao gồm: khách vãn lai đến trực tiếp tại resort, khách liên hệ đặt trực tiếp tại Allezboc Resort, Khach do người quen tại A Resort giới thiệu. Không phải 100% là do Công ty TNHH Một Thành viên Đ X đưa về.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ và quản lý đã được thay đổi, vì vậy Công ty không nắm được chi tiết nội dung trao đổi và thỏa thuận lúc trước. Tuy nhiên, căn cứ vào các thông tin và số liệu đang có, việc Công ty TNHH Một Thành viên Đ X đã không có hiệu quả và Công ty TNHH Ahủy hợp đồng là thỏa đáng. Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xkhông có bất cứ cam kết nào trong trường hợp không đạt doanh thu, công suất như đã thỏa thuận. Vì vậy, Công ty TNHH Akhông

thể tiếp tục chi trả 52.000.000 đồng/tháng cho các tháng tiếp theo để lại nhận về một kết quả không khả quan và thỏa đáng. Nếu suy xét kỹ hơn, Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xphải bồi thường vì đã không đạt hiệu quả trong một thời gian dài nhưng vẫn nhận được tiền phí 52.000.000 đồng/tháng. Việc này hoàn toàn có lợi cho Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xvà bất lợi cho Công ty TNHH A.

Tuy nhiên, để sớm kết thúc sự việc, tránh việc hao tốn thời gian và chi phí cho hai bên, Công ty TNHH Athể hiện thiện chí bằng đề nghị để Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xgiữ lại số tiền cọc ban đầu là 45.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty Đ X.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2022/ KDTM -ST, ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân TP. Phan Thiết đã xử:

1/Áp dụng**:** khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 235; Điều 259 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 513; Điều 515; Khoản 1 Điều 519; Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Điều 74; Khoản 1 Điều 85; Điều 306 Luật Thương mại.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên Đ X.

Buộc Công ty TNHH A, phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên dịch Đ X số tiền nợ 156.000.000 và 10% VAT phí dịch vụ là 15.600.000 đồng cùng với tiền lãi là 64.536.986 đồng (tính đến ngày 29/9/2022). Tổng cộng 236.136.986 (hai trăm ba mươi sáu triệu một trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm tám mươi sáu) đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Án phí: Công ty TNHH Aphải nộp 11.806.849 đồng án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xsố tiền 3.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0009682 ngày 11/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 10 năm 2022, Công ty TNHH Akháng cáo không đồng ý thanh toán tiền phí thuê dịch vụ cho Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ X, vì Công ty Đ X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ và trách nhiệm, cũng như không đạt công suất, doanh thu theo như đã cam kết trong hợp đồng đã được hai bên ký kết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Công ty TNHH Avẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về vụ án và đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH A. Tuy nhiên xét thấy hiện nay Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xđang giữ 45.000.000 đồng tiền cọc của Công ty TNHH A, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Công ty TNHH Ayêu cầu Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xtrả lại khoản tiền này là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm khấu trừ số tiền này cho Công ty TNHH A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe các bên tranh luận, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH A, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ngày 01/12/2017, nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ thời hạn 01 năm từ ngày 01/12/2017 đến 30/11/2018. Theo đó nguyên đơn cung cấp dịch vụ tư vấn thường xuyên cho bị đơn, cụ thể là dịch vụ đại diện bán hàng cho Khách sạn A tại địa chỉ 08 N, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam với phí dịch vụ mỗi tháng tương đương 52.000.000 đồng (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Kể từ thời điểm ký kết Hợp đồng Dịch vụ – ngày 01/12/2017 và tính đến tháng 6/2018, sau đó bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn phí dịch vụ đến tháng 6/2018.

[2] Trong quá trình tham gia tố tụng, hai bên đương sự đều thống nhất từ tháng 7/2018 bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn và hai bên đã thống nhất chấm dứt Hợp đồng dịch vụ trước thời hạn kể từ ngày 30/9/2018.

[3] Theo đại diện phía bị đơn trình bày, sở dĩ bị đơn không thanh toán tiền phí thuê dịch vụ cho nguyên đơn là vì nguyên đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ và trách nhiệm, cũng như không đạt công suất, doanh thu theo như đã cam kết trong hợp đồng đã được hai bên ký kết; đồng thời bị đơn đưa ra số liệu công suất phòng và giá phòng trung bình trong 9 tháng đều không đạt là 70% công suất phòng và giá phòng trung bình cũng không đạt mức 1.500.000 đồng (không bao gồm: thuế VAT 10%, phí ăn sáng và 5% phí phục vụ). Lời khai này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận; trong khi giữa bị đơn và nguyên đơn không có văn bản làm việc nào thể hiện nguyên đơn đã không thực hiện đúng hợp đồng như bị đơn khai.

[4] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán phí dịch vụ còn thiếu của 03 tháng cùng lãi suất, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Tuy nhiên, xét thấy hiện nay Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xđang giữ 45.000.000 đồng tiền cọc của Công ty TNHH A. Tại phiên tòa phúc

thẩm đại diện Công ty TNHH Ayêu cầu Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xtrả lại khoản tiền này. Để vụ án được giải quyết toàn diện, hội đồng xét xử phúc thẩm khấu trừ số tiền này vào tiền mà Công ty TNHH Aphải trả cho Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Đ Xnhư đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Bản án sơ thẩm vì vậy sẽ bị sửa như đã phân tích ở trên.

[7] Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, án phí sơ thẩm vì vậy phải sửa cho phù hợp.

[8] Ngoài ra, xét thấy:

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án gồm có 6 chương 48 điều. Nhưng khi áp dụng để tính án phí, Tòa án cấp sơ thẩm không nêu cụ thể điểm, điều nào mà áp dụng toàn bộ Nghị quyết là không chính xác.

- Đối với khoản tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn đã có Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; trong vụ án này Tòa án phải áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13. Quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án để tuyên trong phần quyết định. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên theo Điều 357 Bộ Luật dân sự, là không đúng theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH A, sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2022/ KDTM -ST, ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân TP. Phan Thiết.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 235, Điều 259 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 513, Điều 515, Khoản 1 Điều 519, Điều 357, 468 Bộ Luật dân sự; Điều 74, Khoản 1 Điều 85, Điều 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên Đ X.

- Buộc Công ty TNHH A phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên dịch Đ X 156.000.000 phí dịch vụ và 15.600.000 đồng 10% thuế VAT cùng với tiền lãi chậm trả 64.536.986 đồng (tính đến ngày 29/9/2022). Tổng cộng 236.136.986 đồng, nhưng được trừ 45.000.0000 đồng tiền đặt cọc, còn lại 191.136.986 đồng (một trăm chín một triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng).

- Công ty TNHH Aphải chịu 9.556.849 đồng (chín triệu, năm trăm năm sáu nghìn, tám trăm bốn chín đồng) án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm.

- Công ty TNHH Akhông phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại phúc

thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH A2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tiền số 0010223, ngày 19/10/2022 và số 0014245, ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/4/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thỉ hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thỉ hành án của người được thỉ hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thỉ hành án) cho đến khỉ thỉ hành án xong, bên phải thỉ hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thỉ hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- TAND TP. Phan Thiết;
- Những người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Cổng thông tin điện tử TABT;
- Tổ HCTP –TABT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Cường